| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐẮK LẮK | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 6769 /KH-UBND | *Đắk Lắk, ngày 14 tháng 8 năm 2018* |

# KẾ HOẠCH
## Cải thiện Chỉ số Cải cách hành chính (Par Index) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2018

Căn cứ Thông báo số 187/TB-VPCP ngày 23/5/2018 của Văn phòng Chính phủ, về việc thông báo kết luận của Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính (CCHC) của Chính phủ tại Hội nghị công bố Chỉ số CCHC năm 2017 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2017;

Căn cứ Công văn số 3325/BNV-CCHC ngày 24/5/2018 của Bộ Nội vụ về việc sử dụng kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2017;

Để phát huy những kết quả tích cực đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong triển khai, thực hiện công tác CCHC, UBND tỉnh Đắk Lắk xây dựng Kế hoạch cải thiện Chỉ số CCHC và Chỉ số PAPI năm 2018, cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nội dung của Chỉ số CCHC năm 2017 do Ban chỉ đạo CCHC của Chính phủ công bố và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nội dung của Chỉ số PAPI năm 2017 do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng, Trung tâm bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam công bố.

b) Cải thiện kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số PAPI năm 2018. Mục tiêu Chỉ số CCHC năm 2018 tỉnh Đắk Lắk đạt từ 80% trở lên và Chỉ số PAPI năm 2018 không nằm trong nhóm tỉnh trung bình thấp.

c) Tăng cường nhận thức và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương về Chỉ số CCHC và Chỉ số PAPI của tỉnh.

d) Tiến tới xây dựng một nền hành chính dân chủ, minh bạch, trong sạch, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

2. Yêu cầu:

a) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá đúng thực trạng và khẩn trương có biện pháp khắc phục hiệu quả đối với những tồn tại, hạn chế để cải thiện Chỉ số CCHC và Chỉ số PAPI trong năm 2018;

b) Các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra phải khả thi, sát với quy định đạt điểm các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần theo Đề án, Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC và văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ triển khai hàng năm.

c) Các văn bản, tài liệu kiểm chứng đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá đạt điểm theo quy định phải được cung cấp đầy đủ, đúng yêu cầu.

d) Những tiêu chí, tiêu chí thành phần giải trình đạt điểm phải khách quan, có cơ sở để thẩm định và công nhận đạt điểm.

e) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các cấp và người dân đối với kết quả công bố chỉ số CCHC, PAPI của tỉnh hàng năm.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ và giải pháp cải thiện Chỉ số CCHC năm 2018:

a) Chỉ đạo, điều hành CCHC:

- Hoàn thành tất cả các nhiệm vụ của Kế hoạch CCHC năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh; Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hoạt động và ngân sách thực hiện CCHC nhà nước năm 2018.

- Tất cả báo cáo CCHC (báo cáo định kỳ về CCHC; báo cáo năm về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); báo cáo năm về tình hình theo dõi thi hành pháp luật; báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC); báo cáo định kỳ về kết quả ứng dụng CNTT… đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định của Chính phủ và của bộ, ngành Trung ương.

- Tổ chức kiểm tra CCHC từ 30% trở lên số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh. Xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra CCHC.

- Tổ chức thực hiện, hoàn thành 100% kế hoạch tuyên truyền CCHC.

- Xây dựng sáng kiến, giải pháp, cách làm mới, lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai CCHC của tỉnh.

- Tổ chức thực hiện, hoàn thành 100% nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL:

- Hoàn thành việc xây dựng văn bản QPPL của HĐND và UBND tỉnh theo Danh mục văn bản QPPL ban hành trong năm 2018, đảm bảo 100% văn bản được xây dựng, ban hành đúng quy trình.

- Theo dõi, đôn đốc, đảm bảo hoàn thành Kế hoạch công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 3547/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh. Xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý (bất cập, vướng mắc, vi phạm...) đối với 100% vấn đề phát hiện được qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Theo dõi, đôn đốc, đảm bảo hoàn thành 100% Kế hoạch số 10220/KH-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh về việc kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2018 và Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh về hệ thống hóa định kỳ văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh (kỳ 02).

c) Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

- Theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh, đảm bảo 100% số TTHC có vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ đảm bảo 100% số PAKN tiếp nhận trong năm đã được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

- Rà soát, công bố danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa đảm bảo 100% cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết đúng hạn 100% số hồ sơ TTHC.

- Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh cải cách TTHC nhằm thu hút vốn đầu tư của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

d) Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước:

- Triển khai, quán triệt các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII từ tỉnh đến cơ sở, tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về phân cấp quản lý nhà nước.

- Kiểm tra giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 21/NQ-CP.

- Bổ nhiệm lãnh đạo đúng quy trình, tiêu chuẩn và cơ cấu số lượng theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

đ) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC:

- Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt và bố trí công chức đúng theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với từng vị trí.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt và bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.

- Thực hiện tuyển dụng công chức phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện tuyển dụng viên chức phải đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tổ chức thi, xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Xây dựng Kế hoạch năm về tinh giản biên chế và báo cáo kết quả tinh giản biên chế của tỉnh.

- Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2018.

- Thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, đảm bảo 100% CBCCVC đạt chuẩn theo quy định.

e) Cải cách tài chính công:

- Triển khai thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đúng theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh. Chú trọng triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cấp xã.

- Thực hiện giải pháp để tăng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và tăng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên so với năm 2017.

g) Hiện đại hoá hành chính:

- Duy trì, cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử theo quy định.

- Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản từ cấp tỉnh đến cấp xã, đảm bảo tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật) từ 90% trở lên.

- Thực hiện kết nối liên thông hệ thống thông tin một cửa điện tử đến 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

- Rà soát, tham mưu công bố TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4; đảm bảo 80% TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm; 40% số hồ sơ TTHC trở lên giải quyết ở mức độ 3 và 10% số hồ sơ TTHC trở lên giải quyết ở mức độ 4.

- Rà soát, tham mưu công bố TTHC thực hiện dịch vụ bưu chính công ích; đảm bảo 30% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích; 10% hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích và 15% hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

*(Chi tiết phân công thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong việc triển khai nâng cao Chỉ số CCHC 2018 theo Phụ lục I đính kèm).*

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện Chỉ số PAPI năm 2018:

a) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thường xuyên kiểm tra, giám sát, chủ động ngăn ngừa các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực xảy ra trong thực thi công vụ của đội ngũ CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện quy chế dân chủ, chú trọng kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở tại xã, phường, thị trấn. Qua thanh tra, kiểm tra, kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý CBCCVC có hành vi sách nhiễu, tiêu cực, tham nhũng, thiếu trách nhiệm,... trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện niêm yết, công khai minh bạch kịp thời các quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, khung giá đất, các quy định, chính sách liên quan đến đền bù, hỗ trợ, giải tỏa, tái định cư... để người dân biết, tiếp cận, thực hiện và giám sát thực hiện.

d) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú đến CBCCVC và nhân dân; nâng cao chất lượng thực hiện TTHC nói chung và chứng thực, xác nhận tại cấp xã nói riêng.

đ) Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công lập, dịch vụ giáo dục; thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ công về y tế, giáo dục và nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ CBCCVC trong thực hiện nhiệm vụ, xử lý nghiêm các hành vi những nhiễu, tiêu cực, vi phạm đạo đức chuyên môn, nghề nghiệp.

e) Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn thực hiện tốt trách nhiệm giải trình với người dân. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các đơn vị thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh; đồng thời công khai rộng rãi kết quả xử lý đối với tổ chức, cá nhân gây khó khăn, nhũng nhiễu, tiêu cực để người dân biết.

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy trình rà soát, xét duyệt và công khai các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và giải quyết các chế độ chính sách xã hội theo đúng quy trình, thủ tục quy định; đánh giá mức độ tham gia và hưởng lợi của người dân trên địa bàn trong việc lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

h) Tổ chức thực hiện và hướng dẫn các địa phương thực hiện nghiêm các quy định, quy trình về công khai minh bạch trong quản lý ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý ngân sách ở cơ sở; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách ở xã, phường, thị trấn.

i) Tăng cường quản lý về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh; tập trung truy quét, trấn áp tội phạm ở các địa bàn trọng điểm, phức tạp, thường xảy ra trộm cắp, ma túy, cờ bạc... Phát huy và tiếp tục nhân rộng các mô hình "Tự quản, tự phòng", nâng cao hiệu quả phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa bàn khu dân cư.

k) Đẩy mạnh cải cách TTHC, giải quyết tốt các TTHC trên các lĩnh vực liên quan nhiều đến đời sống người dân như: Đất đai, cấp giấy phép xây dựng, các TTHC cấp xã...; tăng cường trách nhiệm của CBCCVC trong khâu hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Đa dạng hóa hình thức niêm yết, biên soạn bằng tiếng dân tộc (ở những nơi có đồng bào dân tộc thiểu số) để thuận tiện cho việc tìm hiểu, tra cứu của cá nhân, tổ chức khi đến giải quyết các TTHC.

*(Chi tiết phân công thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong việc triển khai cải thiện Chỉ số PAPI năm 2018 theo Phụ lục II đính kèm)*

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các biện pháp khắc phục để cải thiện từng nội dung của Chỉ số CCHC và Chỉ số PAPI chịu trách nhiệm xây dựng giải pháp, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện giải pháp nhằm cải thiện các nội dung theo mục tiêu đã được xác định tại các Phụ lục nhiệm vụ cụ thể trong việc triển khai cải thiện Chỉ số CCHC và Chỉ số PAPI năm 2018.

2. Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh) làm đầu mối theo dõi việc duy trì, cải thiện Chỉ số CCHC và Chỉ số PAPI của tỉnh để định kỳ hàng quý báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh trong việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ cải thiện Chỉ số CCHC và Chỉ số PAPI theo lĩnh vực được phân công.

3. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm CCHC năm 2018 để nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

4. Định kỳ báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện Kế hoạch này, bằng cách lồng ghép vào báo cáo định kỳ công tác CCHC của cơ quan, đơn vị và gửi về Sở Nội vụ (Báo cáo 9 tháng gửi trước ngày 01/9/2018; Báo cáo năm gửi trước ngày 30/11/2018) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung Kế hoạch thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c) ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Uỷ ban MTTQVN tỉnh ;
- Các thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Tổ giúp việc BCĐ CCHC tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng, TT thuộc VP (QC45a) ;
- Lưu: VT, KSTTHC (Đ 82) .

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

**Phụ lục 1. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRONG VIỆC TRIỂN KHAI NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC 2018**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 6769 /KH-UBND ngày 14 /8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC** | | | | | |
| 1 | Triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2018 | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | Triển khai thực hiện, hoàn thành 100% Kế hoạch | Trước ngày 31/12/2018 | - Các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai công tác CCHC<br>- Báo cáo CCHC năm 2018 |
| 2 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch triển khai Cải cách thể chế của tỉnh | Sở Tư pháp | | Báo cáo đầy đủ nội dung, số lượng đúng hướng dẫn | - Báo cáo 9 tháng gửi trước ngày 01/9/2018<br>- Báo cáo năm gửi trước ngày 30/11/2018 | Báo cáo |
| 3 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải cách TTHC của tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | | | | |
| 4 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch triển khai các nhiệm vụ Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, cải cách chế độ công vụ, công chức | Sở Nội vụ | | | | |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch triển khai nhiệm vụ Cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | Báo cáo đầy đủ nội dung, số lượng đúng hướng dẫn | - Báo cáo 9 tháng gửi trước ngày 01/9/2018<br>- Báo cáo năm gửi trước ngày 30/11/2018 | Báo cáo |
| 6 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT của tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | | | | |
| 7 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch triển khai nhiệm vụ áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của các cơ quan hành chính | Sở Khoa học và Công nghệ | | | | |
| 8 | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch triển khai đầu tư xây dựng trụ sở làm việc các cơ quan hành chính đảm bảo yêu cầu CCHC; thực hiện các biện pháp đẩy mạnh Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | | | |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Báo cáo kết quả thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; kết quả công tác tuyên truyền CCHC thông qua các hình thức: biểu diễn nghệ thuật, văn nghệ, cổ động trực quan, tổ chức hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật quần chúng chủ đề CCHC | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | Báo cáo đầy đủ nội dung, số lượng đúng hướng dẫn | - Báo cáo 9 tháng gửi trước ngày 01/9/2018<br>- Báo cáo năm gửi trước ngày 30/11/2018 | Báo cáo |
| 10 | Báo cáo kết quả thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công; kết quả triển khai kế hoạch "Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh trên địa bàn tỉnh" | Sở Y tế | | | | |
| 11 | Báo cáo kết quả thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Báo cáo CCHC định kỳ của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | | Báo cáo đầy đủ nội dung, số lượng đúng hướng dẫn | - Báo cáo 9 tháng gửi trước ngày 01/9/2018<br>- Báo cáo năm gửi trước ngày 30/11/2018 | Báo cáo |
| 13 | Báo cáo CCHC định kỳ của tỉnh | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | | | |
| 14 | Kiểm tra thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị cấp cấp tỉnh, cấp huyện | | | Kiểm tra từ 30% cơ quan, đơn vị trở lên | Quý III/2018 | - Kế hoạch kiểm tra CCHC<br>- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra CCHC<br>- Các Kết luận kiểm tra<br>- Báo cáo kết quả kiểm tra CCHC |
| 15 | Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra thực hiện CCHC | | | 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý | Quý IV/2018 | - Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết<br>- Báo cáo kết quả khắc phục |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC 2018 | Sở Nội vụ | Các Sở: Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch; các đơn vị: Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Lắk, Cổng thông tin điện tử của tỉnh | Hoàn thành 100% kế hoạch | Trước ngày 01/12/2018 | Báo cáo kết quả tuyên truyền CCHC |
| 17 | Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC | | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | Đa dạng trong tuyên truyền CCHC (tin, bài, cuộc thi tìm hiểu…) | | - Các văn bản triển khai tuyên truyền CCHC<br>- Báo cáo kết quả tuyên truyền |
| 18 | Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh trong năm | | | Sáng kiến mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai CCHC của tỉnh | | - Các văn bản triển khai<br>- Báo cáo nội dung sáng kiến và kết quả triển khai |
| **II** | **XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI TỈNH** | | | | | |
| 1 | Xây dựng văn bản QPPL của HĐND và UBND tỉnh theo đề nghị đã được cơ quan có thẩm | Các sở, ban, ngành, đơn vị | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị | 95% văn bản QPPL được trình ban hành so với tổng số | Trước ngày 31/12/2018 | - Danh mục văn bản QPPL đã ban hành trong năm 2018<br>- Báo cáo công tác |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | quyền chấp thuận | | liên quan | văn bản QPPL dự kiến ban hành trong năm 2018 | | xây dựng, ban hành văn bản QPPL năm 2018 và các văn bản liên quan<br>- Văn bản đôn đốc các cơ quan, đơn vị xây dựng văn bản QPPL theo tiến độ<br>- Các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành trong năm 2018 cập nhật đầy đủ trên hệ thống cơ sở dữ liệu văn bản QPPL tỉnh Đắk Lắk |
| 2 | Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL | Các sở, ban, ngành, đơn vị | Sở Tư pháp | 100% văn bản QPPL ban hành trong năm được thực hiện đúng quy trình | Trước ngày 31/12/2018 | - Văn bản triển khai tập huấn bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ vềxây dựng văn bản QPPL<br>- Báo cáo của tỉnh về kết quả thực hiện công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | Hoàn thành 100% kế hoạch | Trước ngày 31/12/2018 | - Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh<br>- Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh<br>- Văn bản thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật (Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật) |
| 4 | Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật | | | Nội dung báo cáo theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ | Trước ngày 15/10/2018 | Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật |
| 5 | Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật | | | 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý | Trước ngày 01/12/2018 | Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | Nội dung báo cáo theo Khoản 3 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ | Trước ngày 15/01/2019 | Báo cáo về kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL |
| 7 | Công bố hệ thống hóa kỳ 2, xử lý sau rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL | - Sở Tư pháp chủ trì[1]<br>- Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan[2] | | 100% văn bản không còn phù hợp phát hiện qua rà soát được xử lý/ kiến nghị xử lý theo thẩm quyền | Trước ngày 31/12/2018 | - Văn bản đề nghị công bố hệ thống hóa kỳ 2, công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của năm<br>- Danh mục văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới (nếu có) |
| 8 | Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý văn bản QPPL | Sở Tư pháp | | Nội dung báo cáo theo Khoản 3 Điều 135 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính | Trước ngày 15/01/2019 | Báo cáo về kiểm tra, xử lý văn bản QPPL |

[1]Sở Tư pháp chủ trì tham mưu văn bản đề nghị công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của năm, công bố hệ thống hóa kỳ 2

[2] Các sở, ban, ngành, đơn vị chủ trì tham mưu Danh mục văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới (nếu có)

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | phủ | | |
| 9 | Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra, xử lý văn bản QPPL | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | 100% văn bản trái pháp luật được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý | Trước ngày 31/12/2018 | Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý |
| **III** | **CẢI CÁCH TTHC** | | | | | |
| 1 | Mức độ thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | Hoàn thành 100% kế hoạch | Trước ngày 01/12/2018 | - Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC<br>- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC |
| 2 | Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát, đánh giá TTHC | | | 100% TTHC có nội dung không phù hợp được phát hiện sau rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý | | Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công bố TTHC theo quy định | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | Văn phòng UBND tỉnh | 100% TTHC được công bố kịp thời | Thường xuyên | - Các Quyết định công bố TTHC, danh mục TTHC<br>- Văn bản đôn đốc các sở, ban, ngành kịp thời tham mưu công bố danh mục TTHC, TTHC theo thẩm quyền |
| 4 | TTHC và Danh mục TTHC do chủ tịch UBND tỉnh công bố được nhập, đăng tải lên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan | 100% TTHC được công bố phải đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia | | TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia |
| 5 | Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan | 100% số cơ quan, đơn vị công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định | | Báo cáo kết quả triển khai |
| 6 | Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị | | Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan | 100% số cơ quan, đơn vị công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định | | |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông (Cổng thông tin điện tử của tỉnh) | Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan | 100% TTHC được công khai, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh | Thường xuyên | Báo cáo kết quả triển khai |
| 8 | Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thực hiện đúng quy định | | Báo cáo kết quả triển khai |
| 9 | Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý | | Báo cáo kết quả triển khai trong năm |
| 10 | TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa | Các sở, ban, ngành | | 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh được thực hiện theo cơ chế một cửa | Trước ngày 30/9/2018 | Quy định TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa |
| 11 | TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được thực hiện theo cơ chế một cửa | UBND các huyện, thị xã, thành phố | | 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện | | Quy định TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | được thực hiện theo cơ chế một cửa | | |
| 12 | TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa | Trước ngày 30/9/2018 | Quy định TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa |
| 13 | Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông | Văn phòng UBND tỉnh | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | - Từ 30 TTHC trở lên theo hình thức liên thông cùng cấp<br>- Từ 40 TTHC trở lên được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền | | Quy định TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông |
| 14 | Đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | 30% số đơn vị | | Báo cáo |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn | Các sở, ban, ngành | Văn phòng UBND tỉnh | 100% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn | Thường xuyên | Báo cáo |
| 16 | Đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn | UBND các huyện, thị xã, thành phố | | 100% đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn | | |
| 17 | Đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn | UBND các huyện, thị xã, thành phố | | 100% số đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn | | |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa tại UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Đúng quy định pháp luật hiện hành | Trước ngày 31/12/2018 | Quyết định thay thế Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 |
| **IV** | **CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC** | | | | | |
| 1 | Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện | Sở Nội vụ | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện tuân thủ đúng quy định | Thường xuyên | Văn bản triển khai và báo cáo kết quả triển khai trong năm |
| 2 | Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ | - Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng cấp sở và tương đương<br>- Thực hiện đúng quy định | | |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương<br>- Thực hiện đúng quy định về cơ cấu, số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện | | |
| 3 | Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ | Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế được giao | Thường xuyên | Văn bản triển khai và báo cáo kết quả triển khai trong năm |
| 4 | Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh | | | Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao | | |
| 5 | Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra | Sở Nội vụ | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Từ 30% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra | Trước ngày 01/12/2018 | - Kế hoạch kiểm tra<br>- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra<br>- Kết luận kiểm tra<br>- Báo cáo kết quả kiểm tra |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Sở Nội vụ | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý | Trước ngày 01/12/2018 | Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết |
| 7 | Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý đầu tư xây dựng | Sở Xây dựng | | Thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý đầu tư xây dựng | | - Các văn bản triển khai quy định về phân cấp quản lý đầu tư xây dựng<br>- Báo cáo tình hình phân cấp quản lý đầu tư xây dựng<br>- Kế hoạch kiểm tra việc phân cấp quản lý đầu tư xây dựng<br>- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; kết luận kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra việc phân cấp quản lý đầu tư xây dựng<br>- Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý ngân sách | Sở Tài chính | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý ngân sách | Trước ngày 01/12/2018 | - Các văn bản triển khai quy định về phân cấp quản lý ngân sách<br>- Báo cáo tình hình phân cấp quản lý ngân sách<br>- Kế hoạch kiểm tra việc phân cấp quản lý ngân sách<br>- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; kết luận kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra việc phân cấp quản lý ngân sách<br>- Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết |
| 9 | Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý đầu tư | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | Thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý đầu tư | | - Các văn bản triển khai quy định về phân cấp quản lý đầu tư<br>- Báo cáo tình hình phân cấp quản lý đầu tư |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Xây dựng Kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo Kế hoạch | Sở Kế hoạch và Đầu tư | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Kế hoạch kiểm tra đạt yêu cầu và tổ chức thực hiện kế hoạch đã đề ra | Trước ngày 01/12/2018 | - Kế hoạch kiểm tra<br>- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra<br>- Biên bản kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra việc phân cấp quản lý đầu tư vốn ngân sách nhà nước<br>- Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết |
| 11 | Thực hiện đúng các quy định, sử dụng đúng mục đích các nguồn vốn được phân cấp | | | Theo dõi, đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố | | Tham mưu UBND tỉnh thống nhất danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn được phân cấp hoặc báo cáo lồng ghép từng nhiệm vụ |
| 12 | Xây dựng Kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ | | | Kế hoạch kiểm tra đạt yêu cầu và tổ chức thực hiện kế hoạch đã đề ra | | - Kế hoạch kiểm tra<br>- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra<br>- Biên bản kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra việc phân cấp quản lý đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | - Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết |
| 13 | Xây dựng Kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc đầu tư vốn tín dụng ưu đãi | Sở Kế hoạch và Đầu tư | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Kế hoạch kiểm tra đạt yêu cầu và tổ chức thực hiện kế hoạch đã đề ra | Trước ngày 01/12/2018 | - Kế hoạch kiểm tra, quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; biên bản kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra việc phân cấp quản lý đầu tư vốn vốn tín dụng ưu đãi<br>- Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết |
| 14 | Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý đất đai | Sở Tài nguyên và Môi trường | | Thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý đất đai | | - Các văn bản triển khai quy định về phân cấp quản lý đất đai<br>- Báo cáo tình hình phân cấp quản lý đất đai<br>- Kế hoạch kiểm tra việc phân cấp quản lý đất đai<br>- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; kết luận kiểm tra; báo cáo |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | kết quả kiểm tra việc phân cấp quản lý đất đai<br>- Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết |
| **V** | **XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CBCCVC** | | | | | |
| 1 | Tham mưu phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm cho các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thực hiện đúng quy định | Trước ngày 30/9/2018 | Quyết định phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm cho các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh |
| 2 | Cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ | Bố trí đúng công chức đúng theo vị trí việc làm | Trước ngày 01/12/2018 | - Bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt<br>- Báo cáo việc bố trí công chức theo vị trí việc làm |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Phê duyệt danh mục vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh | Các sở, ban, ngành | Sở Nội vụ | Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm | Trước ngày 30/10/2018 | - Văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ và các văn bản triển khai của các cơ quan, đơn vị<br>- Danh mục vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh<br>- Các văn bản quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm |
| 4 | Đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt | Các sở, ban, ngành | Sở Nội vụ | Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm | Trước ngày 01/12/2018 | Báo cáo việc bố trí viên chức theo vị trí việc làm |
| 5 | Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã | Sở Nội vụ | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thực hiện tuyển dụng đúng quy định | Trước ngày 31/12/2018 | Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập Hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...) hoặc báo cáo thống |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng công chức |
| 6 | Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh | Các sở, ban, ngành | Sở Nội vụ | Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định | Trước ngày 31/12/2018 | Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập Hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng viên chức |
| 7 | Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức | Sở Nội vụ | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thực hiện đúng trình, thủ tục và thời gian quy định | | Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi nâng ngạch (thông báo, thành lập Hội đồng, phê duyệt kết quả thi...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả thi nâng ngạch |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức | Sở Nội vụ | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thi/xét thăng hạng viên chức tuân thủ đúng trình tực,thủ tục và thời gian quy định | Trước ngày 31/12/2018 | Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi/xét thăng hạng (thông báo, thành lập Hội đồng, phê duyệt kết quả thi…) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả thi/ xét thăng hạng |
| 9 | Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương | | | 100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định | Thường xuyên | - Các quyết định bổ nhiệm<br>- Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm |
| 10 | Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức | | | Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức đúng quy định | Trước ngày 01/3/2019 | Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của tỉnh |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm | Sở Nội vụ | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Hoàn thành 100% kế hoạch | Trước ngày 31/12/2018 | - Kế hoạch năm về tinh giản biên chế<br>- Báo cáo năm về kết quả tinh giản biên chế |
| 12 | Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC | | | Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định | Trước ngày 31/01/2019 | Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC |
| 13 | Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC | | | Hoàn thành 100% kế hoạch | Trước ngày 01/12/2018 | - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC<br>- Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC |
| 14 | Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ | 100% công chức cấp xã đạt chuẩn | Trước ngày 01/12/2018 | Báo cáo |
| 15 | Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã | | | 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn | | |
| 16 | Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm | | | 70% số cán bộ, công chức trở lên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | | |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của các CBCCVC | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ | Không có CBCCVC bị kỷ luật | Trước ngày 01/12/2018 | Báo cáo tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC |
| **VI** | **CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG** | | | | | |
| 1 | Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cấp xã | Sở Tài chính | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đúng quy định | Trước ngày 30/12/2018 | - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tỉnh<br>- Các văn bản giao tự chủ tài chính |
| 2 | Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên | | | Tăng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên | Thường xuyên | - Các văn bản giao tự chủ tài chính<br>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | Sở Tài chính | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tăng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên | Thường xuyên | - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh<br>- Các văn bản giao tự chủ tài chính |
| 4 | Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm | | | 100% số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm | | Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh |
| **VII** | **HIỆN ĐẠI HOÁ HÀNH CHÍNH** | | | | | |
| 1 | Báo cáo định kỳ về kết quả ứng dụng CNTT gửi Bộ Thông tin và Truyền thông | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành, đơn vị liên quan | Báo cáo đầy đủ nội dung, số lượng đúng hướng dẫn | - Báo cáo quý I trước ngày 10/3/2018;<br>- Báo cáo quý II trước ngày 10/6/2018;<br>- Báo cáo quý III gửi | Các báo cáo |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | trước ngày 10/9/2018;<br>- Báo cáo năm gửi trước ngày 05/12/2018 | |
| 2 | Mức độ hoàn thành Kế hoạch ứng dụng CNTT | Sở Thông tin và Truyền thông | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Hoàn thành 100% kế hoạch | Trước ngày 01/12/2018 | Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT |
| 3 | Triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh | | | Ban hành và duy trì, cập nhật theo quy định | | - Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT<br>- Các văn bản triển khai |
| 4 | Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật) | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | Từ 90% số văn bản trở lên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả triển khai |
| 5 | Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã) | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã | Trước ngày 01/12/2018 | Các văn bản triển khai |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Hệ thống thông tin một cửa điện tử | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Kết nối liên thông đến 100% sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã | Trước ngày 01/12/2018 | Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh |
| 7 | Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông | 80% TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm | | Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh |
| 8 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 | | Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan | Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên | | - Các văn bản triển khai<br>- Báo cáo kết quả thực hiện |
| 9 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 | | Sở Thông tin và Truyền thông | Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên | | - Các văn bản triển khai<br>- Báo cáo kết quả thực hiện |
| 10 | Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích | Sở Thông tin và Truyền thông | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Từ 30% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải | Thường xuyên | Văn bản báo cáo kết quả triển khai |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích | | |
| 11 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ Bưu chính công ích | Sở Thông tin và Truyền thông | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Từ 10% hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ Bưu chính công ích | Thường xuyên | Văn bản triển khai và báo cáo kết quả triển khai |
| 12 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích | | | Từ 15% hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích | | |
| 13 | Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 | Sở Khoa học và Công nghệ | | 100% số cơ quan, đơn vị công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 | | Các quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng |

| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì thực hiện | Cơ quan phối hợp thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 | Sở Khoa học và Công nghệ | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Từ 70% số đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 | Thường xuyên | Các Quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng |
| 15 | Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định | | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | 100% số cơ quan, đơn vị | | Văn bản triển khai và báo cáo |
| **VIII** | **TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH** | | | | | |
| 1 | Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Cao hơn so với năm 2017 | Trước ngày 01/12/2018 | - Kế hoạch thu hút đầu tư<br>- Báo cáo thực hiện việc thu hút đầu tư |
| 2 | Doanh nghiệp thành lập mới trong năm | | | Tăng từ 30% trở lên so với năm 2017 | | Báo cáo thống kê doanh nghiệp thành lập mới trong năm |

**Phụ lục 2. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI NÂNG CAO CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) NĂM 2018**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 6169/KH-UBND ngày 14 /8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| STT | Nội dung công việc | Cơ quan thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN Ở CẤP CƠ SỞ** | | | |
| 1 | Tuyên truyền phổ biến pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn về nội dung phải công khai để nhân dân biết, nội dung nhân dân bàn và quyết định, nội dung nhân dân ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, nội dung người dân giám sát | - UBND cấp huyện<br>- UBND cấp xã | - 70% người dân biết về Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn<br>- 70% người dân biết về khẩu hiệu "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"<br>- 70% người dân nêu đúng thời hạn nhiệm kỳ của tổ trưởng tổ dân phố là 2,5 năm | Tháng 11/2018 |
| 2 | Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện | Sở Nội vụ | Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xử lý nghiêm những trường hợp CBCCVC chức vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở, đạo đức công vụ | Tháng 10/2018 |
| 3 | Cơ hội tham gia bầu cử | - UBND cấp huyện<br>- UBND cấp xã | - 100% người dân đã tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu HĐND các cấp lần gần đây nhất<br>- 100% người dân đã tham gia và trực tiếp đi bầu cử Trưởng thôn, buôn/tổ trưởng tổ dân phố lần gần đây nhất | Thường xuyên |

| STT | Nội dung công việc | Cơ quan thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|
| 4 | Chất lượng bầu cử | - UBND cấp huyện<br>- UBND cấp xã | -100% người dân cho biết có từ hai ứng cử viên trở lên để dân bầu trưởng thôn, buôn/tổ trưởng tổ dân phố<br>- 100% người dân cho biết gia đình được mời đi bầu Trưởng thôn, buôn/tổ trưởng tổ dân phố<br>- 100% người dân cho biết biết hình thức bầu trưởng thôn, buôn/tổ trưởng tổ dân phố là bỏ phiếu kín<br>- 100% người dân cho biết kết quả bầu cử trưởng thôn, buôn/tổ trưởng tổ dân phố được niêm yết công khai | Thường xuyên |
| 5 | Đóng góp tự nguyện | | - 70% người dân cho biết đã đóng góp tự nguyện cho một công trình công cộng ở cấp xã nơi sinh sống<br>- 70% người dân cho biết Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có thực hiện giám sát việc xây mới/tu sửa công trình<br>- 70% người dân cho biết đóng góp của họ được ghi chép vào sổ sách của cấp xã<br>- 70% người dân cho biết đã tham gia vào việc quyết định xây mới/tu sửa công trình công cộng ở cấp xã<br>- 70% người dân cho biết có tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thiết kế để xây mới/tu sửa công trình | |

| STT | Nội dung công việc | Cơ quan thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|
| **II** | **CÔNG KHAI, MINH BẠCH** | | | |
| 1 | Đổi mới phương thức bình chọn hộ nghèo theo hướng công khai, minh bạch, đúng đối tượng | - UBND cấp huyện<br>- UBND cấp xã | Thực hiện nghiêm, đúng quy trình, thủ tục và đảm bảo về thời gian việc xét hộ nghèo để thụ hưởng các chế độ, chính sách đúng quy định | Thường xuyên |
| 2 | Công khai báo cáo thu chi ngân sách của cấp xã | UBND cấp xã | - Công khai, minh bạch hồ sơ và quy trình giải quyết TTHC<br>- Lựa chọn hình thức và vị trí phù hợp để niêm yết công khai, đảm bảo người dân đọc được các thông tin đã được công khai | |
| 3 | Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi tình hình, kết quả thực hiện việc công khai báo cáo thu chi tại UBND cấp xã | - Sở Tài chính<br>- UBND cấp huyện | Xử lý hoặc trình cấp thẩm quyền xử lý nghiêm những cơ quan, địa phương, CBCCVC thực hiện không đúng, có vi phạm trong thực hiện chính sách cho hộ nghèo, trong thu chi ngân sách cấp xã sai quy định | |
| 4 | Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết tại trụ sở UBND cấp xã | UBND cấp xã | Lựa chọn hình thức và vị trí phù hợp để niêm yết công khai, đảm bảo người dân đọc được các thông tin đã được công khai | |
| 5 | Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện | UBND cấp huyện | Lựa chọn hình thức và vị trí phù hợp để niêm yết công khai, đảm bảo người dân đọc được các thông tin đã được công khai | |
| 6 | Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | Lựa chọn hình thức và vị trí phù hợp để niêm yết công khai, đảm bảo người dân đọc được các thông tin đã được công khai | |

| STT | Nội dung công việc | Cơ quan thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|
| 7 | Công khai bảng giá đất sau khi được UBND tỉnh ban hành | - Văn phòng UBND tỉnh<br>- Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Sở Thông tin và Truyền thông | Bảng giá đất sau khi được UBND tỉnh ban hành phải công bố trên công báo của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các hình thức công khai thích hợp khác cho phù hợp | Thường xuyên |
| 8 | Thủ tục hành chính | - Sở, ban, ngành<br>-UBND cấp huyện<br>- UBND cấp xã | Niêm yết đầy đủ các TTHC liên quan đến người dân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, địa phương | |
| **III** | **TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH VỚI NGƯỜI DÂN** | | | |
| 1 | Tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định của pháp luật và các quy trình cơ bản cho Ban Thanh tra nhân dân cấp xã | - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh<br>- UBND cấp huyện | Nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định của pháp luật và các quy trình cơ bản cho Ban thanh tra nhân dân cấp xã | Tháng 9/2018 |
| 2 | Tổng kết việc thực hiện quy chế giám sát đầu tư cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng | Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện | Đánh giá hoạt động giám sát đầu tư cộng đồng | |
| 3 | Thực hiện tốt việc tiếp công dân theo quy định để kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân | - Các Sở, ban, ngành<br>- UBND cấp huyện | Định kỳ tổ chức đối thoại, tiếp xúc giữa lãnh đạo với nhân dân | Thường xuyên |

| STT | Nội dung công việc | Cơ quan thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|
| 4 | Phát huy mạnh mẽ vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn | - Sở Kế hoạch và Đầu tư<br>- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh<br>- UBND cấp huyện<br>- UBND cấp xã | - Các dự án, chương trình đầu tư trong cộng đồng phải có sự tham gia của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng<br>- Các Chủ đầu tư có dự án đầu tư trên địa bàn có trách nhiệm thông báo, phối hợp để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng các xã, phường, thị trấn có kế hoạch tham gia giám sát | Thường xuyên |
| **IV** | **KIỂM SOÁT THAM NHŨNG** | | | |
| 1 | Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo dõi đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND cấp huyện<br>- Các đơn vị có liên quan. | Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm theo quy định các hành vi tham nhũng, việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng | Thường xuyên |
| 2 | Tuyên truyền, phổ biến các văn bản QPPL, các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng | | Tuyên truyền bằng nhiều hình thức để người dân hiểu, giám sát và phản ánh những biểu hiện tham nhũng | |
| 3 | Công khai báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng của tỉnh để nhân dân được biết | Thanh tra tỉnh | Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng | Tháng 12/2018 |
| 4 | Tăng cường hoạt động kiểm tra công vụ cấp tỉnh, cấp huyện | Sở Nội vụ | Kiểm tra tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, tình hình tổ chức giải quyết TTHC cho người dân | Tháng 11/2018 |
| 5 | Đổi mới phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước | - Các sở, ban, ngành<br>- UBND cấp huyện, cấp xã | Đổi mới phương thức, lề lối làm việc của cơ quan hành chính nhà nước | Thường xuyên |

| STT | Nội dung công việc | Cơ quan thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|
| **V** | **TTHC CÔNG** | | | |
| 1 | Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh để tiếp nhận, giải quyết TTHC | Văn phòng UBND tỉnh | Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | Thành lập trong năm 2018; đầu năm 2019 đi vào hoạt động |
| 2 | Đơn giản hóa TTHC lĩnh vực chứng thực, cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường | Đơn giản hóa các loại giấy tờ và quy trình giải quyết TTHC | Tháng 12/2018 |
| **VI** | **CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG** | | | |
| 1 | Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân, đặc biệt là bệnh viện tuyến huyện | Sở Y tế | - Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào quản lý thông tin khám chữa bệnh<br>- Cải tiến khu vực khám chữa bệnh, giảm thời gian chờ đợi của người bệnh | Tháng 12/2018 |
| 2 | Tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện các điều y đức, tinh thần và thái độ phục vụ người bệnh | | Tuyên truyền bằng nhiều hình thức; kiểm tra, chấn chỉnh việc thực hiện các điều y đức, tinh thần và thái độ phục vụ người bệnh | Thường xuyên |
| 3 | Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp học, trang thiết bị dạy học cho các trường | - Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính.<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | | |

| STT | Nội dung công việc | Cơ quan thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|
| 4 | Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn đảm bảo cho dạy và học ở cấp Trung học phổ thông | Sở Giáo dục và Đào tạo | Thay thế những cán bộ, giáo viên không đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực yếu không hoàn thành nhiệm vụ hoặc những giáo viên vi phạm các quy định của pháp luật | Thường xuyên |
| 5 | Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn đảm bảo cho dạy và học ở các đối với cấp Trung học cơ sở, tiểu học, mầm non | UBND các huyện, thị xã, thành phố | | |
| 6 | Cung cấp điện lưới sinh hoạt ở nông thôn | Sở Công Thương, Công ty Điện lực Đắk Lắk | Hộ gia đình ở nông thôn dùng điện lưới sinh hoạt | |
| 7 | Cung cấp nước sạch ở nông thôn | - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<br>- Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk | Cung cấp nước sạch cho người dân theo chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn | |
| 8 | Vệ sinh môi trường ở nông thôn | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tổ chức dịch vụ thu gom rác thải ở khu vực nông thôn | |

| STT | Nội dung công việc | Cơ quan thực hiện | Yêu cầu | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|---|
| 9 | Đường giao thông nông thôn | - UBND các huyện, thị xã, thành phố<br>- UBND các xã, phường, thị trấn | Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nông thôn | Trong năm 2018 |
| **VII** | **AN NINH, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI** | | | |
| 1 | Thực hiện hiệu quả các Chương trình, mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy | - Công an tỉnh.<br>- UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22-6-2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới | Thường xuyên |
| 2 | Tăng cường công tác xây dựng và đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc | | Kiềm chế sự gia tăng của các loại tội phạm; xử lý nghiêm các trường hợp có dấu hiệu bao che tội phạm | |